

PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VÙNG TÂY BẮC - TRƯỜNG HỢP TỈNH LAI CHÂU (GIAI ĐOẠN 2007 - 2015)

NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO*

Việt Nam là một quốc gia nằm trọn ở vùng nhiệt đới, có diện tích rừng tự nhiên rộng lớn, và phong phú và đa dạng. Rừng vừa là nguyên liệu sản xuất quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có vấn đề môi trường và sinh thái, là những vấn đề cả thế giới quan tâm. Vấn đề điều hoà, thuỷ lực, thuỷ điện, thuỷ lợi đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Song, do tập quán sản xuất và ý thức bảo vệ rừng của một số vùng dân cư còn hạn chế, địa hình rộng, cao, dốc, xa, chu kỳ sản xuất cây lâm nghiệp dài, nhiều rủi ro, lợi nhuận thu nhập thấp cũng là nguyên nhân dẫn đến tài nguyên rừng đã và đang có nguy cơ suy giảm, đất đai chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả. Trong đó, vấn đề quản lý của Nhà nước còn nhiều bất cập đã dẫn đến nguy cơ huỷ hoại rừng và gây nhiều khó khăn cho lâm nghiệp. Phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2007 - 2015 là một yêu cầu bức thiết nhằm khôi phục và phát triển vốn rừng, tăng diện tích che phủ của rừng, phát huy khả năng phòng hộ môi trường, bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ động vật quý hiếm của rừng. Phát triển rừng gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tổ chức lại sản xuất kinh doanh gắn vùng nguyên liệu tập trung, chế biến đi đôi với tiêu thụ sản phẩm, góp phần ổn định dân cư, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào nông thôn miền núi, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, giữ gìn trật tự an ninh quốc phòng biên giới nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế và môi trường phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu của thời đại.

Nghiên cứu về lâm nghiệp, bảo tồn và phát triển rừng, đất rừng và sinh thái rừng gắn liền với việc công nghiệp hoá, tập trung hoá với những đồng thuận và nghịch lý của nó và tìm giải pháp tối ưu cho phát triển. Trong đó, Lai Châu là một tỉnh nằm trong lòng Tây Bắc, có tất cả những đặc điểm tự nhiên của một

* Nghiên cứu sinh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

tỉnh miền núi cao của Việt Nam, nghiên cứu Lai Châu với những đặc điểm phổ quát và đặc thù sẽ có ý nghĩa liên hệ với các tỉnh miền núi khác của Việt Nam. Lai Châu giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), có đường biên giới dài 273 km, có cửa khẩu Quốc gia Ma Lò Thành, có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Diện tích tự nhiên là 907.100 ha, gồm 5 huyện, 1 thị xã, 94 xã, phường, thị trấn. Diện tích đất lâm nghiệp là 752.172 ha (chiếm 83% diện tích tự nhiên), trong đó diện tích đất có rừng là 338.967 ha, đất chưa có rừng là 413.205 ha, tỉ lệ che phủ rừng năm 2006 là 37,37%. Địa hình chia cắt phức tạp, độ dốc lớn (trên 60% có độ cao trên 1.000 m; trên 90% có độ dốc trên 25°).

Khí hậu điển hình của vùng nhiệt đới núi cao Tây Bắc; thường có lũ quét, gió lốc và mưa đá. Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Là tỉnh miền núi cao đầu nguồn của nhiều sông suối, có nhiều hồ nước tự nhiên và trong đó đặc biệt là tỉnh thuộc khu vực đầu nguồn xung yếu của sông Đà, có giá trị rất lớn đối với đất nước về điện năng, về cấp nước cho vùng Đồng bằng Bắc bộ...

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2001 - 2006

Căn cứ kết quả thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 18/10/2002 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu (cũ) về chương trình phát triển lâm nghiệp đến năm 2010 và kết quả đạt được sau khi chia tách, thành lập tỉnh mới đã đạt được trên các lĩnh vực.

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Thực hiện Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật đất đai, các văn bản của các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh đã được tuyên truyền đến các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đã dần làm chuyển biến nhận thức của người dân về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tinh thần trách nhiệm của UBND tỉnh đến cấp huyện, xã, các chủ rừng đã chủ động trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Thường xuyên củng cố, duy trì hoạt động của các tổ chức cơ động tuần tra, kiểm tra giám sát việc bảo vệ, sử dụng, khai thác, chế biến, lưu thông và kinh doanh lâm sản.

- Đã bố trí, quản lý bảo vệ trên 134.578 ha rừng, trong đó trực tiếp giao khoán, bảo vệ rừng 97.772 ha, còn lại 36.806 ha do chính quyền các cấp và lực lượng kiểm lâm bố trí quản lý và bảo vệ.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: đã có sự phối hợp tốt giữa các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể và các lực lượng như: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Công an, Quân đội... với lực lượng kiểm lâm là nòng cốt đã tuyên truyền Luật bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản phòng cháy chữa cháy rừng cho 35.507 lượt người; tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng cho 165 đồng chí lãnh đạo các phòng, đội, cán bộ kiểm lâm địa bàn và cán bộ bảo lâm xã.

2. Công tác phát triển rừng.

Thực hiện các chương trình, dự án phát triển rừng như: trồng mới 5 triệu ha rừng, phát triển nông thôn Sơn La - Lai Châu, sự nghiệp kiểm lâm, chương trình khoanh nuôi bảo vệ rừng 21 xã biên giới... để tổ chức khoanh bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng mới, trong đó: **Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên**: đã thực hiện được 110.241 ha; **Trồng rừng mới tập trung**: đã thực hiện được 7.245 ha; **Trồng rừng phân tán**: 1.366 ha.

Phát triển kinh tế trang trại:

Toàn tỉnh có 87 trang trại có liên quan đến lâm nghiệp đạt tiêu chí quốc gia đã và đang cho thu hoạch sản phẩm. Trong đó: 15 trang trại trồng cây lâu năm; 01 trang trại trồng cây ăn quả; 59 trang trại lâm nghiệp; 12 trang trại chăn nuôi. Tổng diện tích đất về lâm nghiệp các trang trại đang được sử dụng và khai thác 1.424 ha.

Từ công tác phát triển rừng trên góp phần nâng cao độ che phủ rừng từ 33,4% năm 2001 lên 36,2% năm 2005 và khoảng 37,4% năm 2006, rừng đã phát huy được chức năng phòng hộ giữ nước, bảo vệ đất chống xói mòn, rửa trôi đất, giữ được môi trường sinh thái; về kinh tế thông qua việc đầu tư hỗ trợ của Nhà nước để bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng đã giải quyết công ăn việc làm cho 4979 hộ gia đình (với 19.915 lao động tham gia). Trong đó: bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh 4.251 hộ gia đình, riêng năm 2006 chương trình 21 xã biên giới có 7.824 hộ tham gia. Trồng rừng 728 hộ gia đình, số lao động 2.911 người, tăng thu nhập góp phần xoá đói giảm nghèo ở các xã vùng cao biên giới nơi đồng bào sống gần rừng.

3. Công tác giao đất lâm nghiệp.

Kết quả giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, cộng đồng thôn bản, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp được 283.364 ha giao cho 38.407 hộ gia đình, nhóm hộ gia đình quản lý và bảo vệ. Đã triển khai tích cực việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo *Nghị định 163 của Chính phủ* (đến nay đã cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng rừng và đất rừng được 87/94 xã, phường, thị trấn với tổng số giấy đã cấp là 39.652).

4. Khai thác chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- *Khai thác gỗ, củi*: đã thực hiện tốt chủ trương chuyển từ lâm nghiệp khai thác lợi dụng rừng là chính sang xây dựng và phát triển rừng. Từ năm 2001 - 2006 khối lượng gỗ khai thác khoảng 5.651m³ gỗ xẻ, chủ yếu phục vụ chương trình 134, 135, 159 và xây dựng cơ bản của tỉnh. Củi đốt khoảng 979.773 ster phục vụ nhu cầu chất đốt của người dân và một phần chất đốt cho chế biến chè, làm đường giao thông.

- *Khai thác tre nứa, lâm sản khác*: Tre, nứa khoảng 27.815 tấn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy giấy; Lâm sản khác: khoảng 403.459 tấn lâm sản các loại như: song, mây, măng, cánh kiến, hạt trâu, bông chỉ, thảo quả... Ngoài ra, tỉnh đã có kế hoạch xây dựng ngành Công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Toàn tỉnh có 178 cơ sở sản xuất chế biến lâm sản chủ yếu phục vụ nhu

cầu xây dựng cơ bản tại chỗ với quy mô nhỏ lẻ. Duy nhất có nhà máy chế biến bột giấy công suất 6.000 tấn/ năm đã đi vào hoạt động năm 2004, sản xuất được khoảng 280 tấn bột giấy, chế biến sản phẩm Cráp xuất sang thị trường Trung Quốc; các lâm sản khác chủ yếu là bán hàng thô chưa qua chế biến.

5. Về cơ chế chính sách.

Hệ thống các văn bản pháp luật quan trọng liên quan đến lâm nghiệp đã tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng như: Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật đất đai... các bộ, ngành Trung ương cũng đã có các văn bản hướng dẫn cụ thể về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về lâm nghiệp phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Ngoài những chính sách của Trung ương, tỉnh Lai Châu cũng đã xây dựng chính sách hỗ trợ trồng rừng sản xuất tại *Quyết định 06/2003/QĐ-UB ngày 28/02/2003 của UBND tỉnh Lai Châu (cũ) về việc Ban hành chính sách tạm thời về hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 66/2004/QĐ - UB. Gần đây nhất là Quyết định số 75/2006/QĐ- UB ngày 11/12/2006 về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2007 - 2010; Quyết định số 64/2004/QĐ-UB ngày 15/9/2004 của UBND tỉnh Lai Châu về việc: ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 56/2005/QĐ-UBND ngày 06/6/2005 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2004/QĐ-UBND ngày 15/9/2004.*

6. Công tác sản xuất giống phục vụ dự án và công tác khuyến lâm.

- *Cơ sở sản xuất cây giống*: toàn tỉnh có 6 vườn ươm. Trong đó: 03 vườn cố định đầu tư sản xuất cây giống đơn thuần bằng hạt ở huyện Than Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè; 03 vườn đầu tư sản xuất cây công nghệ cao ở Tam Đường; Phong Thổ 2 vườn (trong đó 1 vườn đang xây dựng) song chủ yếu là sản xuất cây con ươm bằng hạt, cả 5 cơ sở sản xuất này mới đảm bảo được 60-70% giống cây phục vụ kế hoạch trồng rừng hàng năm.

- *Công tác khuyến nông thực hiện nhiệm vụ khuyến lâm*: Hệ thống tổ chức khuyến nông được củng cố từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Trong những năm qua, toàn tỉnh đã xây dựng được 78 mô hình trình diễn về nông- lâm nghiệp trong đó mô hình tre, măng, điền, trúc 28 ha; mô hình thảo quả dưới tán rừng 111 ha. Bên cạnh đó, đã triển khai 766 lớp tập huấn với 37.397 lượt nông dân tham gia với nội dung: Nâng cao năng lực công tác khuyến nông; một số kỹ thuật chủ yếu trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp cho các cán bộ khuyến nông viên cơ sở; tập huấn kỹ thuật phương pháp khuyến nông cho cán bộ các tổ xã đối giảm nghèo, các chi hội phụ nữ; đào tạo cán bộ khuyến nông cấp xã...Ngoài ra hoạt động khuyến nông đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành tham gia chương trình phát triển lâm nghiệp, phát triển rừng đầu nguồn các đô thị và khu dân cư, sản xuất giống cây trồng, nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới khuyến nông cơ sở; thí điểm trồng cây cao su ở huyện Phong Thổ,

Tam Đường, Than Uyên, phát triển trồng và chế biến dược liệu vùng cao nguyên Sơn Hồ và chế biến nông sản; phát triển kinh tế trang trại và làng nghề, xoá đói giảm nghèo và một số chương trình kinh tế - xã hội khác...

7. Về vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư từ năm 2001-2006 là 84.107 triệu đồng, bình quân 14.017 triệu đồng/ năm (trong đó năm 2006 khoảng 31.924 triệu đồng).

Về cơ cấu vốn đầu tư lâm sinh là 74.998 triệu đồng, chiếm khoảng 89% tổng vốn đầu tư (bao gồm: trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng, đường băng cản lửa). Trong đó, vốn đầu tư cơ sở hạ tầng lâm sinh và chi phí quản lý là 9.109 triệu đồng, chiếm 11% tổng vốn đầu tư (bao gồm xây dựng các trạm quản lý, vườn ươm, chi phí quản lý); vốn đầu tư cho phát triển lâm nghiệp 100% là vốn ngân sách mục tiêu chương trình quốc gia 76.234 triệu đồng, chiếm 90,6%; ngân sách địa phương 7.183 triệu đồng, chiếm 8,6% vốn nước ngoài 690 triệu đồng, chiếm 0,8% tổng vốn đầu tư.

II/ NHỮNG HẠN CHẾ TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN:

1. Hạn chế

1.1. Công tác tuyên truyền: Công tác tuyên truyền Luật bảo vệ và phát triển rừng và các chính sách của Nhà nước có liên quan đến công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng chưa thật sâu rộng đến được người dân. Một số người dân vẫn hiểu rừng là của Nhà nước, không rõ trách nhiệm phải làm gì và quyền lợi người dân được hưởng như thế nào.

1.2. Công tác quy hoạch: Công tác quy hoạch tổng thể và chi tiết về phát triển lâm nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh được thực hiện. Vì vậy rất khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện.

1.3. Công tác tổ chức: Các Ban quản lý dự án 661 cơ sở ở 4 huyện làm việc kiêm nhiệm, nên trong quá trình quản lý tổ chức chỉ đạo công tác lâm nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, cán bộ bảo lâm xã chưa đủ, mới có 61/94 xã, phường làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng theo mùa vụ, thời gian ký hợp đồng 6 tháng (thiếu kinh phí). Công ty lâm đặc sản chuyển sang Ban quản lý Hoàng Liên Sơn là đơn vị sự nghiệp có thu nhưng chưa được giao đất, vẫn đang tổ chức thực hiện nhiệm vụ dự án 661. Tổ chức cơ cấu bộ máy, cơ chế chính sách nhà máy giấy hiện nay chưa rõ ràng.

1.4. Về sử dụng đất: Đã giao đất đến hộ gia đình, mới dừng lại trên sổ sách giấy tờ và bản đồ, còn cụ thể chi tiết ở ngoài thực địa và trên bản đồ giao cho từng hộ thì người dân chưa nhận biết được (do chưa có vốn để giao chi tiết) nên một số người dân chưa nhận biết được đất lâm nghiệp của mình. Một số hộ gia đình được giao đất, tự nhận đất ngoài thực địa, không sử dụng đúng mục đích đã quá thời hạn quy định của Luật đất đai nhưng vẫn chưa được các cấp chính quyền địa phương quan tâm thống kê để thu hồi. Hiện nay nếu nhà nước thu hồi lại thì nhân dân đòi hỏi đền bù, mặc dù trên đất giao cho các hộ gia đình chưa có sản phẩm. Các ban quản lý được giao rừng nhưng không được giao đất dưới

tán rừng nên rất khó khăn trong công tác triển khai trồng rừng mới, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ vì phải phụ thuộc vào người dân có đất.

1.5. Chính sách: Các chính sách hiện hành của Nhà nước về hưởng lợi từ rừng chưa khuyến khích được người dân, nên người dân chưa thực sự gắn bó với rừng. Ngoài ra, do nguồn vốn có hạn nên nhà nước chỉ đầu tư bảo vệ rừng được ở một số diện tích nhất định trong tổng số diện tích rừng hiện có, nên gây ra tư tưởng phân chia diện tích rừng được đầu tư bảo vệ và diện tích rừng không được đầu tư bảo vệ trong nhân dân, dẫn đến hiện tượng đốt rừng.

1.6. Tổ chức chỉ đạo thực hiện quản lý bảo vệ và phát triển rừng: Công tác quản lý bảo vệ rừng vẫn còn hiện tượng phá rừng trái phép làm nương rẫy, tập quán thả đông gia súc phá hoại rừng trồng, cháy rừng vẫn còn xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh. Công tác phát triển vốn rừng (gồm có trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh): về công tác trồng hành năm một số hộ gia đình chưa thực hiện trồng và chăm sóc rừng theo đúng quy trình kỹ thuật đã hướng dẫn, đã ảnh hưởng rất lớn đến tỉ lệ sống của cây, thể hiện chất lượng rừng trồng thấp. Công tác ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ đầu tư chưa đúng mức, đặc biệt là tạo giống cây trồng lâm nghiệp bằng hom, giống cây có năng suất, chất lượng cao. Ngoài ra, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương các cấp đôi khi còn buông lỏng chưa thực sự sát sao.

Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ còn lãng phí, hiệu quả sử dụng nguyên liệu thấp, chưa tận dụng được hết nguồn nguyên liệu hiện có.

1.7. Hiệu quả kinh tế lâm nghiệp có tác động đối với việc xóa đói giảm nghèo chưa được nhiều.

1.8. Công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn ở một số dự án hiệu quả chưa cao.

2. Nguyên nhân.

2.1. Khách quan: Địa bàn sản xuất lâm nghiệp rộng, diện tích có rừng tập trung chủ yếu là ở vùng sâu, vùng xa các xã biên giới; địa hình chia cắt, cao, dốc, điều kiện kinh tế - xã hội kém phát triển; chu kỳ sản xuất của cây lâm nghiệp dài ngày, thời vụ trồng rừng trùng với thời vụ cấy lúa và phụ thuộc nhiều vào yếu tố tự nhiên.

Công tác quản lý bảo vệ rừng rủi ro cao phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, khí hậu tập trung vào mùa khô hanh nên dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn toàn tỉnh; từ năm 2004 đến năm 2006 thiệt hại diện tích rừng bị cháy là 451,66 ha đây chính là nguyên nhân phát triển lâm nghiệp chưa mang tính chất thật bền vững.

2.2. Chủ quan: Nhận thức về lâm nghiệp của một số ngành, một số cấp chưa đầy đủ và toàn diện, chưa đánh giá đúng các giá trị môi trường của rừng đem lại cho xã hội, chưa xác định rõ vị thế lâm nghiệp là một ngành kinh tế hoàn chỉnh từ khâu tạo rừng, khai thác, chế biến lâm sản và cung cấp các dịch vụ từ rừng.

Hệ thống chính sách lâm nghiệp thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với chủ trương xã hội hoá nghề rừng và cơ chế thị trường, chưa bổ sung kịp thời những cơ chế chính sách mới đầu tư cho phát triển rừng sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản

ngoài gỗ để tạo động lực thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển nhất là các hộ gia đình và các doanh nghiệp tham gia phát triển nghề rừng.

Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, liên quan đến lâm nghiệp, đến nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh chưa thường xuyên, đặc biệt là đồng bào vùng sâu, vùng xa sống với rừng.

Bộ máy chuyên môn giúp việc ban quản lý, năng lực trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý cán bộ khoa học kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; kiến thức tư vấn kỹ thuật lâm nghiệp còn thiếu kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo sản xuất, tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền về công tác lâm nghiệp còn hạn chế.

Người dân chưa thực hiện đúng các bước quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và các biện pháp phòng chống chữa cháy rừng, bảo vệ rừng; một số hộ gia đình chưa có trách nhiệm quản lý bảo vệ được diện tích trồng rừng đã được Nhà nước đầu tư giao khoán.

Khoa học công nghệ chưa xây dựng được các mô hình trồng rừng cho năng suất chất lượng cao nên chưa có sức thuyết phục để người dân làm theo.

Phát triển lâm nghiệp của tỉnh chủ yếu dựa vào vốn ngân sách Nhà nước đầu tư mà chưa huy động được tối đa các nguồn lực khác. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư chưa chặt chẽ, dần trải hiệu quả chưa cao; trồng rừng sản xuất ít được chú trọng phát triển. Vốn đầu tư cho lâm nghiệp tuy đã được quan tâm nhưng cũng chưa tương xứng với tiềm năng và vai trò quan trọng của lâm nghiệp trong cơ cấu tổ chức các ngành kinh tế của tỉnh.

III. NHỮNG THỜI CƠ

Từ những thành tựu mà ngành lâm nghiệp đã đạt được trong những năm qua và khi nhà máy thủy điện Sơn La và những công trình thủy điện khác trên địa bàn toàn tỉnh Lai Châu đi vào hoạt động thì môi trường, khí hậu, độ ẩm không khí có sự thay đổi cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng lâm nghiệp sinh trưởng và phát triển tốt, đồng thời cũng thuận lợi cho công nghiệp chế biến phát triển, đó là việc vận chuyển gỗ, lâm sản tre, nứa bằng đường thủy.

Với các chính sách của nhà nước đầu tư cho vùng Tây Bắc chắc chắn sự nghiệp lâm nghiệp của tỉnh trong thời gian tới sẽ có bước phát triển mới.

IV. NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2007 - 2015

1. Chủ trương: Trên cơ sở qui hoạch 3 loại rừng; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ theo phương thức bảo vệ khoanh nuôi tái sinh là chính. Tập trung trồng mới rừng sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh tế để có thu nhập cho người dân, cùng với phát triển chăn nuôi trở thành thế mạnh của tỉnh Lai Châu.

Thực hiện chính sách giao quản lý, bảo vệ rừng cho thôn bản; giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình; để rừng có chủ thực sự. Chuyển đổi dần một phần đất rừng phòng hộ có điều kiện sản xuất sang đất sản xuất theo qui hoạch 3 loại rừng để bố trí kế hoạch hàng năm.

Thực hiện xã hội hoá nghề rừng, xây dựng các chính sách thu hút khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia để phát triển và có hưởng lợi từ rừng; ưu tiên cho các doanh nghiệp trong tỉnh chuyển đổi ngành nghề kinh doanh sang trồng rừng sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp ngoài tỉnh, doanh nghiệp nước ngoài; các hộ nông dân, các chủ trang trại đầu tư phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trước hết phải thực hiện nghiêm túc Luật bảo vệ rừng, có chính sách bảo vệ đa dạng sinh học các nguồn gen quý hiếm động, thực vật rừng, hạn chế phá rừng làm nương rẫy.

2. Mục tiêu:

- *Về môi trường*: Tập trung bảo vệ bằng được diện tích rừng hiện có, đầu tư khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng mới. Bảo vệ đất, chống sới mòn; bảo vệ đa dạng sinh học các nguồn gen quý hiếm. Đảm bảo cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất tại chỗ và đồng thời góp phần điều tiết nước cho các công trình thủy điện, phòng chống lũ lụt cho vùng đồng bằng

- *Về kinh tế*: Phần đầu đến năm 2010 tỷ trọng lâm nghiệp chiếm 20% GDP ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn, giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng bình quân 5 - 6% /năm. Hình thành các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất gắn với việc điều chỉnh bố trí dân cư nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới để người dân có thu nhập từ rừng. Vận dụng các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện địa phương để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các lực lượng lao động tại chỗ tạo công ăn việc làm cho nhân dân góp phần xoá đói giảm nghèo nhất là những người dân sinh sống gần rừng ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới. Phần đầu đến năm 2015 tỷ trọng lâm nghiệp chiếm 32-34% GDP ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá trị sản xuất hàng hoá xuất khẩu lâm nghiệp tăng 13-15% năm.

- *Về xã hội*: Tạo việc làm mới cho 273.917 lao động; số lượng hộ tham gia 68.479 hộ.

- *Về an ninh quốc phòng*: Cùng với các chương trình, dự án khác góp phần ổn định đời sống nhân dân qua đó đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là khu vực biên giới.

3. Nhiệm vụ

Tổng số diện tích đất lâm nghiệp theo kết quả quy hoạch ba loại rừng toàn tỉnh là: 752.172 ha (chiếm 83% diện tích tự nhiên). Trong đó: rừng phòng hộ 417.341 ha bằng 55.5% đất lâm nghiệp; rừng đặc dụng 41.275 ha bằng 5.5% đất lâm nghiệp; rừng sản xuất (kinh doanh) 293.555 ha bằng 39.0%.

* Giai đoạn 2007 – 2010. Nhiệm vụ của lâm nghiệp toàn tỉnh phần đầu đến 2010 là tăng độ che phủ rừng trên 45%, năm 2015 trên 50%, tạo việc làm, tăng thu nhập nâng cao đời sống cho người lao động để người dân gắn bó và sống được chủ yếu bằng nghề rừng. Để đạt được mục tiêu nâng độ che phủ rừng trên 45% vào năm 2010 tương đương với diện tích đất có rừng là 425.320 ha (độ che phủ 46,88%) cần: bảo vệ diện tích rừng hiện có là 338.966 ha; tạo rừng mới: 94.553 ha.

* Giai đoạn 2011 – 2015. Năm 2015 độ che phủ rừng 52,65% tương đương với diện tích có rừng là 477.619 ha. Bảo vệ diện tích rừng hiện có 428.319 ha. Tạo rừng mới 49.300 ha. Trồng rừng tập trung mới 9.000 ha.

Xây dựng vùng trồng cao su có diện tích từ 4.000-5.000 ha trên địa bàn huyện Phong Thổ là chính và một số huyện khác.

Định hướng xây dựng vùng nguyên liệu ván dăm đê, sau năm 2015 xây dựng nhà máy quy mô vùng nguyên liệu diện tích trồng là 900 ha, ngoài ra còn khai thác tỉa thu sản phẩm cây phụ trong rừng trồng phòng hộ, rừng khoanh nuôi tái sinh, tập trung tại 5 huyện: Thanh Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ.

Trồng cây phân tán: 400.000 cây.

* *Phát triển lâm sản ngoài gỗ.* Trồng rừng phòng hộ, sản xuất kết hợp lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng như: song, mây, sa nhân, thảo quả... tại các xã vùng cao huyện Thanh Uyên, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Tè.

Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến và kinh doanh cây được liệu trong và ngoài tỉnh, tham gia trồng cây được liệu dưới tán rừng, trồng, nuôi dưỡng và khai thác được liệu trên diện tích tập trung và những diện tích được giao khoán.

* *Xây dựng và phát triển công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm.* Xây dựng và phát triển công nghiệp chế biến để tạo ra sản phẩm hàng hoá lớn đảm bảo chất lượng và đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, tiếp tục duy trì hoạt động của nhà máy giấy Lai Châu với công suất 6.000 tấn bột/ năm; từ năm 2011 – 2015 nâng công suất lên 10.000 tấn bột/năm. Năm 2013 xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại huyện Phong Thổ và tùy vào điều kiện cụ thể của các vùng nhiên liệu để xây dựng các nhà máy chế biến theo quy mô và hình thức phù hợp.

Để đạt được mục tiêu và hoàn thành nhiệm vụ trên đây, công tác quản lý, bảo vệ rừng phải được coi trọng hàng đầu. Cần có biện pháp bảo vệ 338.966 ha rừng hiện có. Trong đó được đầu tư bằng nguồn vốn Chương trình 21 xã biên giới 46.010 ha và 5 xã trọng điểm 10.529 ha, các xã khác đã được đầu tư 5.675 ha; 4 xã ở vùng 3 là 7.500 ha còn lại diện tích 269.252 ha chưa có vốn đầu tư giao cho UBND các xã quản lý. Đi đôi với nó là công tác phát triển rừng, được chia làm 2 giai đoạn.

Giai đoạn 1 từ năm 2007 đến năm 2010: khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng mới là 94.543 ha.

Giai đoạn 2 từ năm 2011 đến năm 2015: bảo vệ rừng hiện còn 428.319 ha; bảo vệ rừng đang trong giai đoạn đầu tư 3.000 ha; khoanh nuôi tái sinh 41.100 ha; trồng rừng mới 9.000 ha.

Xây dựng vùng trồng rừng nguyên liệu bột giấy: dự kiến diện tích là 9.200 ha, được bố trí ở 3 huyện cụ thể: Huyện Sìn Hồ: các xã Lê Lợi, Pú Dao, Chấn Nưa, Nậm Ban; Huyện Mường Tè: xã Nậm Hàng, Mường Mô, Can Hồ. Nhà máy ở huyện Phong Thổ sử dụng nguyên liệu tại hai huyện Sìn Hồ và Phong Thổ. Nhà máy ở huyện Mường Tè sử dụng nguyên liệu tại huyện Mường Tè.

Công suất mỗi nhà máy là $4.000\text{m}^2/\text{năm}$. Tùy vào nhu cầu thị trường đề xuất đầu tư dây chuyền sản xuất gỗ ghép thanh. Đây là dây chuyền ghép những tấm gỗ nhỏ thành những tấm lớn có kích thước theo yêu cầu. Tiến hành chế biến sản phẩm (giường, tủ, bàn, ghế...) phục vụ nhu cầu sử dụng trong tỉnh, tiến tới xuất sang các tỉnh bạn.

Thực hiện tốt việc trồng, chế biến và ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp với các tổ chức, đơn vị và hộ gia đình sản xuất nguyên liệu từ rừng, tích cực khai thác và tìm kiếm thị trường nhằm đảm bảo sản phẩm từ rừng được tiêu thụ tốt.

Xây dựng các cơ sở chế biến và dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông dân theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mở rộng quan hệ với tỉnh Lào Cai, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) để mở rộng thị trường nguyên liệu và xuất bán sản phẩm qua chế biến.

Khảo sát, đánh giá, hướng dẫn các cơ sở chế biến gia công đồ mộc tại địa bàn các huyện thị.

4. Những giải pháp chủ yếu

Công tác tuyên truyền: Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật đất đai và các văn bản liên quan về mặt quản lý bảo vệ và phát triển rừng cần được tuyên truyền phổ biến đến các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh bằng nhiều hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh - truyền hình, báo chí... Bên cạnh đó, làm cho người dân hiểu rõ rừng phải có chủ thực sự, chủ rừng là tổ chức, cá nhân, chủ rừng phải chịu trách nhiệm về diện tích rừng và đất rừng đã được giao. Các xã, thôn, bản phải xây dựng quy ước quản lý, bảo vệ rừng để nhân dân cùng tham gia thực hiện. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật, phân rõ trách nhiệm giữa các ngành và huyện, thị, xã để thực hiện.

Quy hoạch: Trên cơ sở rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất) trên bản đồ và ngoài thực địa, tiến hành cắm mốc ranh giới các loại rừng theo chỉ đạo của Chính phủ vào năm 2008; xây dựng quy hoạch phát triển lâm nghiệp của tỉnh giai đoạn 2007-2015, tầm nhìn 2020.

Quy hoạch chi tiết vùng nguyên liệu giấy Sìn Hồ, Mường Tè, một số xã ở huyện Phong Thổ.

Quy hoạch chi tiết các khu rừng phòng hộ, đặc dụng; sản xuất. Gắn quy hoạch sử dụng đất với việc giao đất, giao rừng.

Quy hoạch chi tiết vùng nguyên liệu ván dăm tại các huyện như Than Uyên, Tam Đường.

Gắn quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu với nhà máy sản xuất, chế biến; lồng ghép các chương trình dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Quy hoạch phát triển lâm nghiệp cấp huyện, cấp xã gắn với quy hoạch sử dụng đất có người dân tham gia, ổn định đất để sản xuất nông nghiệp tại chỗ, hạn chế tối đa nạn phá rừng làm nương.

Giao đất và cho thuê đất lâm nghiệp. Đến năm 2010 hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo Nghị định 163/CP của Chính phủ cho 100% xã, phường, thị trấn và các chủ rừng; đảm bảo các khu rừng đều có chủ. Hạn mức giao căn cứ vào quỹ đất của từng địa phương.

Rà soát lại toàn bộ những diện tích rừng, đất lâm nghiệp đã giao cho các tổ chức và hộ gia đình theo Nghị định 163/CP đối chiếu với thực tế thực địa nếu sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng, trái với quy định trong Luật đất đai thì sẽ thu hồi để giao lại cho tổ chức và hộ gia đình có nhu cầu sử dụng đất vào mục đích phát triển lâm nghiệp.

Thu hồi diện tích rừng phòng hộ nằm trong quy hoạch rừng sản xuất, giao cho cá nhân, các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất để phát triển lâm nghiệp.

UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng phương án đền bù đất lâm nghiệp khi bị thu hồi trình Ban Thường vụ, HĐND tỉnh quyết định.

Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuê đất, thuê rừng, nhất là thuê đất để trồng rừng sản xuất (thực hiện theo Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư).

Tổ chức bộ máy. Duy trì trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 245/1998/CT-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm lâm từ tỉnh đến huyện, cán bộ bảo lâm xã có phẩm chất chính trị, có năng lực và nhiệt tình đối với công tác bảo vệ rừng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản. Tiếp tục chuyển đổi 3 Ban quản lý dự án 661 cơ sở chuyển sang đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động độc lập trực thuộc UBND các huyện là: Mường Tè, Tam Đường, Sìn Hồ để làm nhiệm vụ phát triển các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo Quyết định số 186/2006/QT-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng.

Thành lập Công ty Lâm nghiệp, Công ty Cao su hoạt động trên nguyên tắc tự hạch toán kinh doanh. củng cố hệ thống Ban quản lý dự án 661 cơ sở trở thành nòng cốt ở từng huyện, vận động nhân dân tham gia trồng rừng nguyên liệu giấy, ván dăm, cây đặc sản... theo vùng quy hoạch.

Kỹ thuật và khoa học công nghệ

Về kỹ thuật: Xác định tập đoàn cây trồng theo vùng sinh thái được xác định theo đai cao:

Độ cao trên 800m trồng rừng phòng hộ: Thông ba lá, Pơ mu, Tống quá sủ, Vối thuốc.

Độ cao dưới 800m trồng rừng sản xuất cây nguyên liệu ván dăm: mỡ, keo, các loại; cây nguyên liệu giấy: tre, luồng, vầu; cây trồng phòng cháy rừng: tống quá sủ, vối thuốc

Dưới tán rừng phòng hộ trồng thảo quả, sa nhân, song, mây...

Độ cao dưới 800m trồng thử nghiệm một số loài cây có giá trị kinh tế nông lâm kết hợp như trám ghép, dễ ghép...

- Kỹ thuật trồng, chăm sóc theo quy trình đầu tư cho từng loại rừng.

- Xem xét chuyển hoá rừng giống đối với các khu rừng đủ điều kiện chuyển hoá như rừng thông, với thuốc và tổng quá sử. Xây dựng vườn giống có chọn lọc áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất cây giống: mô, hom... nhằm cải thiện giống cây lâm nghiệp để cung cấp giống tốt, giống có nguồn gốc rõ ràng và cho sản xuất theo đúng Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp. Cùng cố, nâng cấp ba vườn ươm tại Tam Đường và Phong Thổ.

- Ứng dụng xây dựng các mô hình canh tác bền vững trên đất đai điển hình cho từng địa phương, nhằm mục đích phòng hộ, chống xói mòn bảo vệ đất.

- Ứng dụng mô hình trồng rừng một số loài cây có khả năng phòng chống cháy, phòng trừ dịch sâu bệnh hại trên cơ sở đó đánh giá các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tối ưu trong việc trồng rừng.

Về khoa học công nghệ: Xây dựng khu nuôi cấy mô những loài cây có năng suất cao phục vụ cho trồng rừng sản xuất. Lựa chọn quy mô và công nghệ phù hợp khi xây dựng các cơ sở chế biến lâm sản phù hợp với khả năng cung cấp nguyên liệu của vùng và nhu cầu của thị trường. Huy động tối đa sự tham gia của các thành phần kinh tế, tổ chức tham gia khảo nghiệm, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất lâm nghiệp như: trồng rừng, khai thác, chế biến lâm sản...

Phát triển nguồn nhân lực: Cấp huyện, thị các phòng kinh tế cần bố trí đủ cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, trung học kỹ thuật lâm nghiệp, ưu tiên cán bộ là địa phương.

Cấp xã, thôn, bản phát triển hệ thống khuyến lâm cơ sở để phổ cập các chính sách giao đất, khoán rừng, chuyển giao kỹ thuật lâm nghiệp và các nội dung khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng. Ngoài ra, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công chức của ngành bằng nhiều hình thức về quản lý lâm nghiệp và kiến thức khoa học kỹ thuật mới về lâm nghiệp cho cán bộ kỹ thuật cấp huyện (Ban quản lý dự án cơ sở). Tiếp tục thực hiện Quyết định số 42/2004/QĐ-UB ngày 30/7/2004 của UBND tỉnh về đào tạo, thu hút cán bộ. Có chính sách cho con em đồng bào dân tộc thiểu số, con em cán bộ, công nhân viên theo học ngành lâm nghiệp tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học để phục vụ lâu dài cho sự nghiệp phát triển lâm nghiệp tại vùng nông thôn. Tỉnh cần hỗ trợ thực hiện các chương trình phổ cập cho những người tham gia phát triển rừng, áp dụng các hình thức đào tạo ngắn ngày, tại chỗ, vừa học vừa làm.

Quản lý, thực thi Luật bảo vệ và phát triển rừng: Thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR), với phương châm phòng là chính; quan tâm PCCCR ngay từ lựa chọn cơ cấu loài cây trồng, thiết kế các biện pháp kỹ thuật lâm sinh. Đầu tư Dự án nâng cao năng lực PCCR, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác PCCCR đảm bảo nhanh chóng kịp thời.

Cơ chế chính sách

Chính sách về đất đai và vốn đầu tư: Thực hiện theo Quyết định số 64/2004/QĐ-UB ngày 15/9/2004 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 56/2005/QĐ-UBND ngày 06/6/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2004/QĐ-UB ngày 15/9/2004 và các quyết định của UBND tỉnh.

Nguồn vốn Nhà nước đầu tư theo Dự án 661 để xây dựng hệ thống rừng phòng hộ.

Thực hiện Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2007-2010.

Tăng ngân sách địa phương cho lâm nghiệp đáp ứng với nhu cầu phát triển rừng; thu hút và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, kể cả các dự án nước ngoài; tạo điều kiện cho các tổ chức, đơn vị và hộ gia đình vay vốn để phát triển kinh tế rừng, vận động và huy động nguồn vốn tự có của nhân dân để phát triển rừng.

Đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung đối với các cơ sở, xây dựng vườn giống, rừng giống, các công trình cơ sở hạ tầng lâm sinh.

Nghiên cứu và có chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay hoặc hỗ trợ một phần kinh phí để nhân dân chuyển những diện tích đất sản xuất lương thực trên đất dốc năng suất thấp sang trồng rừng sản xuất trong thời kỳ đầu. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trồng rừng sản xuất được nhà nước hỗ trợ tiền mua cây giống 70% và một phần kinh phí ban đầu để trồng rừng và bao tiêu sản phẩm từ rừng trồng. Khuyến khích, đầu tư vốn cho người dân trong và ven vùng nguyên liệu trồng cây phân tán, vừa có thêm nguồn nguyên liệu dự trữ, vừa tăng độ che phủ và đem lại nguồn thu nhập cho người dân.

Chính sách thị trường thương mại: Nghiên cứu, vận dụng Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng phù hợp với địa phương. Tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp để tiếp thị, tìm kiếm thị trường, quảng cáo tiêu thụ sản phẩm lâm sản qua chế biến; hỗ trợ một phần cước tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp chế biến lâm sản trong 3 năm đầu.

Khuyến khích và có chính sách ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân thành lập công ty hoạt động kinh doanh ngành nghề lâm nghiệp.

Chính sách hưởng lợi: Giao cho các ngành chức năng cụ thể hoá và triển khai thực hiện quyết định 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận chứng khoán rừng và đất lâm nghiệp. Thông tư liên tịch số 80/2003/TTLT-BNN-BTC ngày 03/9/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của

Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Đối với các khu rừng phòng hộ, diện tích có rừng phải được bảo vệ, diện tích chưa có rừng phải được khoanh vùng nuôi tái sinh hoặc trồng rừng để đảm bảo tiêu thụ định hình của từng loại rừng phòng hộ. Các hộ gia đình quản lý, bảo vệ rừng được khai thác các sản phẩm cây khô, cây sâu bệnh.

Đối với trồng rừng sản xuất; chủ rừng là các hộ gia đình được tự nguyện định chủng loại cây trồng, thời gian thu hồi sản phẩm và được lưu thông sản phẩm từ trồng tự do trên thị trường.

Chính sách khai thác sử dụng gỗ tại chỗ cho các hộ gia đình thuộc chương trình tái định cư các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Các dự án ưu tiên: Để phát triển kinh tế lâm nghiệp trong giai đoạn 2007-2015 trong Chương trình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh cần tập trung triển khai thực hiện một số dự án phát triển lâm nghiệp như sau: cấm mốc ranh giới ba loại rừng; quy hoạch phát triển lâm nghiệp các huyện, thị xã giai đoạn 2007-2015; dự án bảo vệ và phát triển các khu rừng đầu nguồn trọng điểm của tỉnh (cung cấp nguồn nước sinh hoạt, công trình thủy lợi...); quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu giấy, ván dăm, cao su; phát triển giống cây trồng lâm nghiệp nhằm đảm bảo nhu cầu giống cây lâm nghiệp, cây công nghiệp có chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương; nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng; đào tạo nguồn nhân lực.

Tổ chức thực hiện

Đề án phát triển lâm nghiệp đến năm 2015 nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển hàng hoá. Để đề án phát triển lâm nghiệp được thực hiện tốt tại địa bàn các huyện, thị cần triển khai cụ thể ngay một số việc sau:

1. Các huyện, thị tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Đề án phát triển lâm nghiệp của tỉnh giai đoạn 2007-2015 đến các xã phường và tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết và thống nhất thực hiện.

2. Đề nghị Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cần sớm xây dựng chương trình hành động phối hợp, tổ chức phong trào toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng, phát triển lâm nghiệp, nhất là tổ chức phong trào trồng rừng sản xuất.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Khoa học công nghệ với vai trò nòng cốt có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị xã tham mưu đề xuất với tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh lãnh đạo và trực tiếp chỉ đạo thực hiện tốt vấn đề phát triển lâm nghiệp trong hoàn cảnh và điều kiện mới phù hợp với đường lối xây dựng kinh tế bảo vệ môi trường và văn hoá xã hội.